

Số: 7130 /BC-STC

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá Bộ chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018

Căn cứ Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện; Quyết định số 24751/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch 7532/KH-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về triển khai xác định Bộ chỉ số cải cách hành chính, công vụ các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã triển khai Kế hoạch số 6234/KH-STC ngày 25/10/2018 về kiểm tra công vụ năm 2018;

Sở Tài chính đã tiến hành đánh giá Bộ chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018 tại các phòng thuộc Sở, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, kết quả như sau:

I. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan; và Quy định số 428-QĐ-TU ngày 30/7/2013 của Tỉnh ủy về việc ban hành quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trong thực hiện các chức trách nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại các phòng (ban), đơn vị tại Quyết định số 05/QĐ-STC ngày 18/01/2011 của Sở Tài chính.

- Kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan.

II. Kết quả đánh giá Bộ chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018:

1. Kết quả đánh giá Bộ chỉ số cải cách hành chính:

Sở Tài chính đã triển khai tự đánh giá, chấm điểm phần Chỉ số cải cách hành chính và đã có báo cáo số 6785/BC-STC ngày 15/11/2018 gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

2. Kết quả đánh giá công vụ:

Sở Tài chính đã triển khai đánh giá, chấm điểm tiêu chí công vụ năm 2018. (Đính kèm Biên bản số 7429/BB-STC ngày 30/11/2018 của Sở Tài chính).

3. Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan:

3.1 Việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan của cán bộ công chức:

Đa số cán bộ công chức Sở Tài chính chấp hành tốt Luật cán bộ công chức, thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế cơ quan, bảo vệ bí mật nhà nước, chủ động phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan; công tâm, tận tụy trong công việc, không lợi dụng nhiệm vụ để sách nhiễu, trục lợi cá nhân; thực hiện đeo băng tên và mở sổ theo dõi chấm công, chào cờ sáng thứ 2 hàng tuần đầy đủ.

Đối với người đứng đầu luôn gương mẫu, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ công chức, có các biện pháp phòng chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không gây bè phái, mất đoàn kết, không sử dụng tài sản của nhà nước, của nhân dân trái pháp luật, không phân biệt đối xử tín ngưỡng tôn giáo.

Qua kiểm tra chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm, tuy nhiên cũng còn số ít cán bộ công chức của các phòng, Chi cục TCDN chưa thực hiện nghiêm việc đeo thẻ, đi trễ về sớm. Việc thực hiện quy trình ISO và quy trình thủ tục hành chính tại các phòng, Chi cục TCDN, công tác một cửa tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thời gian quy định và thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3.2 Việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ, công chức:

Qua kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao cho CBCC trên chương trình I-office và eGov từ 01/10/2017 đến 30/9/2018 vẫn còn CBCC xử lý công việc trễ hạn.

(Đính kèm Biên bản số 7129 /BB-STC ngày 30 /11/2017 của Sở Tài chính)

4. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định 05/QĐ-STC ngày 18/01/2011 của Giám đốc Sở Tài chính tại các phòng, Chi cục Tài chính doanh nghiệp:

Qua kiểm tra, trong năm 2018 việc thực hiện nhiệm vụ được giao cho CBCC trên chương trình I-office và eGov từ 01/10/2017 đến 30/9/2018. Toàn thể cán bộ công chức Sở Tài chính luôn tích cực và cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, vẫn còn 02 phòng thực hiện xử lý công việc trễ hạn, cụ thể:

- Phòng Giá Công sản: có 16 công việc trễ hạn.
- Phòng Đầu tư: có 01 công việc trễ hạn.

(Đính kèm Biên bản số 7129 /BB-STC ngày 30 /11/2018 của Sở Tài chính)

5. Về kỷ luật, kỷ cương hành chính: Qua rà soát, Phòng Giá Công sản có 02 văn bản nhắc nhở, Văn phòng có 01 văn bản nhắc nhở, Phòng Đầu tư có 01 văn bản nhắc nhở. Sở Tài chính báo cáo như sau:

5.1 Phòng Giá công sản:

a) Văn bản 3049/UBND-CNN ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc nhắc báo cáo thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư:

* Nội dung phê bình, nhắc nhở:

Chủ tịch UBND tỉnh phê bình việc chậm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại công văn 116/UBND-CNN ngày 7/3/2018 của UBND tỉnh tại kết luận thanh tra dự án Khu dân cư Thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư.

* Nội dung giải trình:

- Thực hiện Chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 116/UBND-CNN ngày 07/03/2018 về việc chỉ đạo các Sở, ngành liên quan rà soát nội dung theo kết luận của thanh tra chính phủ đối với dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư, có báo cáo gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 25/3/2018. Tuy nhiên, do dự án kéo dài từ năm 2009 đến nay, hồ sơ đã đưa vào lưu trữ nên cần thời gian tìm kiếm, rà soát hồ sơ; do đó, ngày 04/4/2018, Sở Tài chính đã có Văn bản số 1804/STC-GCS về việc gia hạn báo cáo kết quả thực hiện đối với nội dung nêu trên, theo đó đề nghị UBND tỉnh gia hạn thời gian báo cáo đến ngày 30/4/2018.

- Ngày 12/4/2018, Sở Tài chính tiếp tục có Văn bản số 1982/STC-GCS, theo đó đề nghị UBND tỉnh giao Sở Tài chính tổ chức thuê tư vấn thẩm định giá đất đối với dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư.

Theo đó, UBND tỉnh đã chấp thuận cho Sở Tài chính – Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thuê đơn vị tư vấn độc lập để định giá tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án Khu dân cư thương mại Phước Tân của Công ty TNHH Cường Hưng tại văn bản số 4101/UBND-KT ngày 26/4/2018, thời hạn xử lý trong tháng 5/2018.

Ngày 24/5/2018, Sở Tài chính đã ký hợp đồng tư vấn thẩm định giá với Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới.

- Do công việc cần thời gian để hoàn thành theo trình tự, thủ tục quy định; do đó, Sở Tài chính đã có công văn số 3004/STC-GCS ngày 29/5/2018 kiên nghị UBND tỉnh gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6/2018 và được UBND tỉnh chấp thuận tại văn bản số 5730/UBND-KT ngày 6/6/2018.

Ngày 8/6/2018, Sở Tài chính đã mời Công ty TNHH Cường Hưng và Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới để nhắc nhở, đơn đốc 2 đơn vị phối hợp thực hiện nhưng đến nay, đơn vị tư vấn vẫn chưa có kết quả báo cáo Sở Tài chính.

Như vậy, Sở Tài chính đã có các văn bản xử lý nội dung công việc trên và cũng đã xin gia hạn xử lý và được UBND tỉnh chấp thuận. Nội dung công việc phức tạp, đến nay Sở vẫn đang chờ kết quả định giá của đơn vị tư vấn. Do đó, Sở không trừ điểm phê bình, nhắc nhở nội dung này.

b) Công văn số 4360/UBND-CNN ngày 4/5/2018 của UBND tỉnh về việc nhắc báo cáo thực hiện Thông báo số 2233/TB-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh.

*** Nội dung phê bình, nhắc nhở:**

Nhắc các sở ngành, trong đó có Sở Tài chính nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017. Yêu cầu các đơn vị có báo cáo, giải trình cụ thể gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, công việc hoàn thành trong tháng 5.

*** Nội dung giải trình:**

Tại nội dung Thông báo số 2233/TB-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp BCĐ Dự án chuyển đổi KCN Biên Hoà 1 thành đô thị - thương mại – dịch vụ, không có nội dung giao Sở Tài chính.

Riêng nội dung số 7 tại Thông báo, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp rà soát các chính sách ưu đãi di dời có trong các quy định pháp luật, xác định cụ thể nội dung, điều khoản quy định để tổng hợp, thông tin đến doanh nghiệp. Như vậy, để xử lý công việc trên, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chủ trì, phối hợp với các đơn vị thống nhất nội dung và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Như vậy, đây là nội dung công việc do Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì xử lý. Do đó, Sở không trừ điểm phê bình, nhắc nhở nội dung này.

5.2. Văn phòng Sở:

Văn bản số 4638/UBND-HCC ngày 11/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc nhắc nhở thực hiện tổ chức tiếp nhận – trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến tại các Sở, ngành.

*** Nội dung phê bình, nhắc nhở:**

Nhắc các sở ngành, trong đó có Sở Tài chính nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017. Yêu cầu các đơn vị có báo cáo, giải trình cụ thể gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, công việc hoàn thành trong tháng 5.

*** Nội dung giải trình:**

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 4638/UBND-HCC ngày 11/05/2018, Sở Tài chính báo cáo tình hình triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017 như sau:

- Ngày 28/12/2017 Sở có văn bản số 7529/STC-VP gửi báo cáo Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ và Trung tâm hành chính công tỉnh về việc đề nghị hỗ trợ cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên phần mềm một cửa điện tử

Egov. Trong đó Sở Tài chính đề nghị cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 04 thủ tục; mức độ 4 đối với 05 thủ tục. Đồng thời Sở Tài chính đã tăng cường công tác tuyên truyền đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hiện có trong quá trình tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Ngày 08/02/2018 Sở Tài chính có văn bản số 770/STC-VP gửi Sở Nội vụ về báo cáo tình hình triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Ngày 06/04/2018 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 541/VP-KSTT về việc rà soát, lập danh mục thủ tục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quyết định số 846/QĐ-TTg. Sở Tài chính đã có báo cáo tại văn bản số 2132/STC-VP ngày 18/04/2018.

Đến nay việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục Sở Tài chính đề nghị vẫn chưa được thực hiện. Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ hỗ trợ Sở Tài chính hoàn thành nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

5.3. Phòng Đầu tư:

Công văn 5168/UBND-ĐT ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn thành báo cáo phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nhắc lần 2):

* Nội dung phê bình, nhắc nhở:

UBND tỉnh nhắc nhở việc hoàn thành báo cáo phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thời hạn xử lý trong tháng 5/2018.

* Nội dung giải trình:

Thực hiện công văn 5168/UBND-ĐT ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã có văn bản số 3033/STC-ĐT ngày 30/5/2018 về việc báo cáo tiến độ thực hiện phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm dự án cầu Đồng Nai mới và tuyến tránh hai đầu cầu (theo hình thức hợp đồng BOT), dự án quốc lộ 1A đoạn tránh TP. Biên Hoà (theo hình thức hợp đồng BOT) và dự án khôi phục, cải tạo Quốc lộ 20 KM0 – KM 123+105,17 trên địa bàn 2 tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng (theo hình thức hợp đồng BOT).

Đây là nội dung nhắc nhở của UBND tỉnh thuộc nhiệm vụ của Phòng Đầu tư phụ trách; theo Quyết định 24751/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh thì 01 văn bản nhắc nhở của UBND tỉnh sẽ trừ 2 điểm vào nội dung kỷ luật, kỷ cương nhưng nếu có hành động khắc phục ngay, phản hồi kết quả kịp thời về cơ quan có thẩm quyền thì sẽ được cộng 1 điểm; do đó, Sở đã trừ phòng Đầu tư 1 điểm nội dung này.

6. Tổng kết điểm của các phòng và Chi cục TCDN:

Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng phòng và Chi cục TCDN, như sau:

- Văn phòng Sở: 100 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Phòng Ngân sách: 100 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Thanh tra Sở: 100 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Phòng Tài chính HCSN: 100 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp: 100 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Phòng Giá Công sản: 99,90 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Phòng Đầu tư: 98,95 điểm - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

Tổng kết điểm của các phòng, Chi cục TCDN và đánh giá khối lượng công việc, mức độ phức tạp của công việc và thời gian hoàn thành công việc theo quy định:

STT	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Tổng số văn bản phòng xử lý	Tổng số điểm	Khối lượng công việc	% mức độ phức tạp	Tỷ lệ văn bản trễ hạn của từng phòng %
1	Văn phòng	1020	100	Trung bình	13,03%	0
2	Phòng Ngân sách	1270	100	Trung bình	16,22%	0
3	Thanh tra Sở	148	100	Ít	1,89%	0
4	Phòng Tài chính HCSN	1919	100	Nhiều	24,51%	0
5	Chi cục TCDN	726	100	Ít	9,27%	0
6	Phòng Giá công sản	2815	99,90	Nhiều	35,96%	0,57%
7	Phòng Đầu tư	787	98,95	Trung bình	10,05%	0,13%

Theo Quy định tại Điều 5 - Chương I - Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, việc chọn lựa các phòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt A⁺ tỷ lệ không quá 70% (tức trong 07 phòng chỉ có 04 phòng được chọn để đánh giá A⁺). Do đó, căn cứ vào số điểm công vụ của từng phòng, Chi cục TCDN, quá trình thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao và tiêu chí hỗ trợ đánh giá A⁺ (tiêu chí khối lượng công việc, mức độ phức tạp và tiêu chí thời gian hoàn thành), Đoàn kiểm tra thống nhất bầu chọn **04 phòng được đánh giá A⁺: Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Phòng Ngân sách, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở.**

(Đính kèm phụ lục 1 và 2)

III. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra công vụ:

Qua công tác kiểm tra công vụ năm 2018, Đoàn thanh tra kiến nghị Ban Giám đốc Sở chỉ đạo Lãnh đạo các phòng và Chi cục TCDN như sau:

- Chi đạo CBCC thực hiện tốt nội quy, quy chế cơ quan nhất là việc chào cờ sáng thứ 2 hàng tuần và đeo thẻ công chức; thực hiện đánh giá kết quả thi đua của từng cá nhân hàng tháng, quý, năm.

- Quan tâm, đôn đốc việc theo dõi tiến độ xử lý công việc theo đúng quy định của Quyết định 454/QĐ-STC ngày 10/11/2016 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành “Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, ban thuộc Sở và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp”.

- Nhắc nhở CBCC khi được phân công nhiệm vụ trên phần mềm E-Gov thì phải xử lý văn bản đúng thời gian quy định, nếu trường hợp nội dung văn bản phức tạp thì đề nghị phải có văn bản gia hạn thời gian xử lý (*lưu ý là văn bản của UBND tỉnh đề nghị báo cáo*) nhằm đảm bảo thời gian quy định.

- Nhắc nhở CBCC khi thực hiện tạo văn bản phát hành đi trên E-Gov phải nhập trích yếu nội dung, nơi lưu trữ và phải nhập đúng theo từng phòng và Chi cục TCDN cần phát hành công văn nhằm đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng khi kiểm tra công vụ về thống kê văn bản phát hành của các phòng và Chi cục TCDN.

- Cần phản ánh văn bản trễ hạn của các phòng trong Biên bản và Báo cáo họp giao ban hàng tháng và xử lý (cho các phòng giải trình) trước khi diễn ra kiểm tra công vụ để được xử lý kịp thời.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018, Sở Tài chính gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận: Van/

- Sở Nội vụ;
- BGĐ Sở;
- Các phòng, Chi cục TCDN;
- Lưu: VT, VP.



Huỳnh Thanh Bình

Phụ lục 1
PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH, QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 7430/BC-STC ngày 30/11/2018 của Sở Tài chính)

1. Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và chương trình, kế hoạch công tác năm 2018:

S T T	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Những nội dung thực hiện tốt	Những nội dung thực hiện chưa tốt	Lý do đánh giá mức A+
1	Phòng Tài chính Hành chính Sự nghiệp (Đánh giá A+)	- Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, giám sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; Thực hiện thống nhất các chế độ, định mức chi tiêu tài chính của Nhà nước thuộc lĩnh vực HCSN theo quy định của pháp luật; - Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị thuộc cấp Tỉnh có sử dụng ngân sách; yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, chi sai chính sách chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo của Nhà nước; - Thẩm định quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp... có sử dụng ngân sách nhà nước; thẩm định và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước; Thẩm định, phê duyệt quyết toán kinh phí uỷ quyền của ngân sách Trung ương do địa phương thực		Trong năm 2018, phòng TCHCSN đã chủ động tham mưu UBND tỉnh cho các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên được sử dụng sử dụng nguồn CCTL lũy kế từ các năm trước đến năm 2016 theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018-2019. Ngày 13/07/2018, UBND tỉnh có văn bản 7285/UBND-KT chấp thuận cho các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên được sử dụng sử dụng nguồn CCTL lũy kế từ các năm trước đến năm 2016, số kinh phí được xem như là nguồn thu sự nghiệp năm 2018 của các đơn vị này. - Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị

		hiện; - Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước tại các đơn vị đang quản lý, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm báo cáo Phòng Ngân sách để tổng hợp trình UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính; - Tổng hợp dự toán ngân sách năm của khối HCSN. Tiếp nhận đăng ký và tham mưu Giám đốc có ý kiến đề nghị điều chỉnh phân bổ dự toán năm theo mục lục ngân sách hiện hành (khi cần) đối với các cơ quan đơn vị dự toán cấp I sau khi có quyết định của UBND tỉnh giao chỉ tiêu ngân sách năm; - Nghiên cứu, tham mưu Ban Giám đốc đề xuất UBND tỉnh vận dụng những chính sách - chế độ của Trung ương phù hợp với từng loại hình hoạt động của các đơn vị trong khối HCSN. - Tham gia, góp ý văn bản, dự thảo thông tư của Bộ Tài chính, của các ngành liên quan đến công tác tài chính khối HCSN tỉnh; - Chủ trì và phối hợp với Phòng Giá công sản quản lý khai thác quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, chuyển giao, xử lý tài sản nhà nước chưa giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng.		sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; dự thảo Quyết định 23/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết 90/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài các ưu điểm trên, trong năm 2017 Phòng TCHCSN còn đạt được một số ưu điểm khác, cụ thể như sau: - Trong công tác thẩm định cấp phát kinh phí, sau khi có chủ trương của HĐND tỉnh và UBND tỉnh về phân bổ kinh phí đầu năm và bổ sung kinh phí năm 2017, phòng TCHCSN đã triển khai ngay việc nhập dự toán và bổ sung kinh phí trên hệ thống Tabmis để kịp thời cấp phát kinh phí. - Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trong dịp Tết nguyên đán năm 2018 theo Quyết định số Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh. - Hoàn thành công tác ghi thu – ghi chi chuyển cho Phòng NSNN tổng hợp. - Thực hiện hướng dẫn các đơn vị khối tỉnh chuyển nguồn kinh phí năm 2017 sang năm 2018.
2	Phòng Ngân sách (Đánh giá A+)	- Dự thảo các Quyết định, chương trình, phương án, dự toán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về Tài chính thuộc nhiệm vụ của Sở Tài chính để UBND tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành hoặc trình HĐND Tỉnh phê chuẩn theo quy định của pháp luật; - Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch về lĩnh vực tài chính, hướng dẫn các cơ quan thuộc tỉnh, cơ quan tài chính cấp dưới thống nhất tổ chức triển khai thực hiện pháp luật,		- Phòng Ngân sách đã tham mưu xử lý đúng và trước hạn các nhiệm vụ chuyên môn được phân công về các lĩnh vực thu chi ngân sách, phí, lệ phí, nông thôn mới, các chính sách xã hội... - Thực hiện tốt công tác lập dự toán 2019 như đã chủ động tham mưu phân bổ dự toán ngân sách phù hợp tình hình kinh tế xã hội từng địa bàn trong tỉnh năm 2019, đảm bảo nhu cầu kinh phí hoạt động tăng thêm của các ngành, các cấp.



chính sách chế độ và các quy định của nhà nước về tài chính trên địa bàn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài chính;

- Tổ chức thực hiện và giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài chính; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, phương án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt;

- Hướng dẫn các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách tỉnh báo cáo UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh quyết định;

- Thực hiện việc quản lý theo quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;

- Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn;

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, chi sai chính sách chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo của Nhà nước;

- Chủ động cân đối các nguồn thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu Ban giám đốc phương án bổ sung dự toán cho các nhiệm vụ chi cần thiết phát sinh, tháo gỡ khó khăn về kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh và huyện.

- Đã tham mưu soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả cao như: Nghị quyết quy định thời gian gửi các tài liệu tài chính - ngân sách; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã, biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch để thực hiện xây dựng tài liệu tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ...

- Thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách huyện theo Luật ngân sách và phân cấp ngân sách trên địa bàn Tỉnh;

- Chủ trì và phối hợp với phòng Đầu tư tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn. Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án ODA trên địa bàn;

- Quản lý các nguồn kinh phí uỷ quyền của Trung ương, quản lý quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

- Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho địa phương theo quy định của pháp luật; quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương; Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Tổ chức việc cấp phát các khoản chi được UBND tỉnh bổ sung đột xuất trong năm ngân sách cho TP, Thị xã và các Huyện, Sở, ngành và các đơn vị kịp thời;

- Hướng dẫn kiểm tra và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính - ngân sách, chế độ quản lý tài chính, báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật. Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của địa phương.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Sở và UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của các quỹ tài chính của địa

		phương; - Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý tài chính ở cấp huyện và cấp xã; - Thực hiện việc quản lý Biên lai ấn chỉ để thực hiện công tác thu – chi ngân sách theo quy định được phân cấp trong phạm vi tỉnh; thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh toán, quyết toán và đề xuất xử lý các vi phạm nếu có theo các quy định hiện hành; - Tham gia, góp ý văn bản, dự thảo thông tư của Bộ Tài chính, của các ngành liên quan đến công tác quản lý tài chính trong toàn tỉnh; - Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở; việc thực hiện theo Thông báo kết luận họp giao ban và công việc khác.		
3	Văn phòng (Đánh giá A+)	- Tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, viên chức; - Tham mưu cho Giám đốc Sở xây dựng, góp ý xây dựng: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, Ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; quy chế nâng lương, thi đua khen thưởng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm...; - Xây dựng kế hoạch và thực hiện: Bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại về quản lý tài chính - kinh tế, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, các nghiệp vụ chuyên môn. Đảm bảo việc tuyển chọn và đề bạt đúng những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh cho công chức, viên chức thuộc Sở; - Tổng hợp, phân tích tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Sở, theo chức năng, nhiệm vụ của của Sở Tài chính tham mưu cho Giám đốc Sở trình, báo cáo UBND Tỉnh và Bộ, ngành theo yêu cầu cấp trên, hàng tháng, quý, sơ kết, tổng kết của ngành trong năm; - Đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời về nghiệp vụ hành chính như: công văn đi, đến, lưu trữ, luân		Trong năm 2018, với chức trách, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Sở đã chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: <u>* Công tác tổ chức cán bộ</u> - Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, chính sách và theo quy trình về công tác tổ chức cán bộ như xét nâng lương, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng, công tác phí, quy hoạch, bổ nhiệm.... - Tham mưu cho Giám đốc sở thực hiện tốt việc theo dõi, kiểm tra, thống kê kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các Phòng, đơn vị thuộc sở và từng CBCC tại các cuộc họp giao ban hàng tháng. <u>* Công tác thi đua khen thưởng:</u> - Sở Tài chính tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 454/QĐ-STC ngày 10/11/2016 về việc Quy định tiêu chí đánh giá kết quả thi đua hàng

	chuyên công văn trong nội bộ một cách khoa học, quản lý và sử dụng con dấu đúng quy định; - Quản lý các nguồn kinh phí của cơ quan, thực hiện hạch toán, kế toán, lập báo cáo quyết toán kinh phí, báo cáo thống kê, báo cáo chế độ BHXH, báo cáo biên chế cơ quan theo quy định; đảm bảo các chế độ, tiêu chuẩn, chính sách đối với CBCC trong cơ quan theo chế độ hiện hành. - Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và công khai tài chính theo quy định hiện hành; - Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, các phương tiện vận chuyển, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan theo quy định; - Quản lý Tổ Công nghệ thông tin thực hiện quản lý và áp dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan và ngành tài chính Tỉnh Đồng Nai; - Quản lý duy trì và tổ chức thực hiện chương trình ISO gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính - thực hiện cơ chế 1 cửa trong cơ quan, tổ chức thực hiện công tác tiếp và làm việc với các cơ quan, tổ chức và nhân dân có nhu cầu quan hệ công tác; - Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; - Quản lý và điều hành công tác Pháp chế của cơ quan, duy trì thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật; - Phối hợp với Cấp ủy Đảng, các tổ chức đoàn thể, các phòng thực hiện các nhiệm vụ: kiểm tra công vụ thường kỳ, nhiệm vụ của cơ quan, các hoạt động các phong trào, tăng cường chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCC thuộc cơ quan; - Đảm bảo bảo vệ bí mật nội bộ, bí mật nhà nước. Đảm bảo vệ sinh, trật tự và an toàn, phòng cháy chữa cháy; - Đoàn kết nội bộ, quy chế dân chủ, công tác dân vận;		tháng, quý, năm đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở Tài chính. Đây là cơ sở để bình xét thi đua cho CBCC tại cơ quan. Sở sẽ thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng năm 2018 trong quý 4/2018. Ngoài ra, Sở được UBND tỉnh khen thưởng các thành tích chuyên đề như: khen thưởng thành tích tiêu biểu trong thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và Hội trại tòng quân năm 2018; công tác thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013-2017); công tác đảm bảo an ninh trật tự phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; - Tổ chức tổng kết thi đua yêu nước; đăng ký thi đua, báo cáo thi đua thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định <u><i>* Công tác cải cách hành chính:</i></u> - Ban hành Kế hoạch số 536/KH-STC ngày 29/01/2018 về kế hoạch cải cách hành chính năm 2018; đồng thời, hàng quý, năm, Sở đều thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định. - Trong năm 2018, Sở đã thực hiện niêm yết công khai các Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tại Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai. - Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại trung tâm hành chính công theo văn bản số 4051/UBND-HCTC ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh về tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính.
--	--	--	--

- Quản lý tổ chức - biên chế; Thi đua, khen thưởng;
- Tham mưu Ban Giám đốc cử nhân sự tham gia các Ban chỉ đạo, Hội đồng, tổ công tác....;
- Xây dựng các kế hoạch thực hiện khác theo yêu cầu Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành
- Công tác đối ngoại, cử cán bộ đi nước ngoài; Công tác phối hợp với các đơn vị khác.

Đồng thời, triển khai văn bản số 10537/UBND-HCC ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh về thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2018, tất cả các thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa tại Sở Tài chính đều được giải quyết đúng hạn.

- Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, đã có 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện chế độ khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính. Thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ (trước đây là Nghị định 43/2006/NĐ-CP), có 100% đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và 100% đơn vị sự nghiệp cấp huyện thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

* Công nghệ thông tin:

Sở Tài chính tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính, thể hiện ở những điểm sau:

- Về trang thiết bị công sở luôn đảm bảo điều kiện làm việc, mỗi CBCC hành chính đều được trang bị 01 bàn làm việc, 01 máy vi tính nối mạng nội bộ và kết nối Internet.

- Triển khai sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc ứng dụng I-OFFICE.

- Tiếp tục triển khai chương trình phần mềm một cửa và một cửa liên thông, phần mềm Quản lý ngân sách 8.0, chương trình cấp mã số, chương trình đăng ký tài sản. Ngoài ra, Sở Tài

				chính còn trang bị thêm hệ thống Internet nhằm kết nối với các phòng Tài chính kế hoạch, cũng như truy cập mạng tìm kiếm thông tin và ứng dụng các chương trình mã nguồn mở trong việc xử lý công tác chuyên môn. - Tiếp tục duy trì thực hiện việc gửi nhận văn bản điện tử. - Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-2008 đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Tài chính. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Sở tiếp tục thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-2008 đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Tài chính tại Quyết định số 272/QĐ-STC ngày 23/7/2014. <i>* Công tác tổng hợp:</i> - Kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính và các Sở ngành theo quy định. - Toàn thể CBCC Văn phòng đã đoàn kết, tương trợ nhau tổ chức thực hiện tốt, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao, toàn thể CBCC Văn phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2018.
4	Thanh tra Sở (Đánh giá A+)	- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật; - Thanh tra tài chính đối với các cơ quan hành chính sự		Trong năm 2018 (tháng 10/2017 - 09/2018), Thanh tra Sở đã triển khai 09 cuộc thanh tra. Trong đó có 09 cuộc thanh tra theo Kế hoạch, đạt 100% kế hoạch đã đề ra. Qua thanh tra, đã phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách số tiền: 1.293.956.397 đồng (Trong đó: Trung tâm TDTT trực thuộc Sở VH-TTDL:

ngành, tổ chức kinh tế, văn hóa - xã hội, doanh nghiệp và công dân theo thẩm quyền, thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức thuộc sở theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh trên địa bàn, xử lý, kiến nghị cấp trên xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về giá theo quy định hiện hành;

- Phối hợp với cơ quan thanh tra tài chính ở Trung Ương thực hiện thanh tra tài chính đối với các cơ quan HCSN và doanh nghiệp do Trung Ương quản lý trên địa bàn theo quy định của Bộ Trưởng Bộ Tài chính;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị xem xét xử lý, kiến nghị cấp trên có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Tổ chức thực hiện công tác phòng chống tham nhũng trong các đơn vị thuộc Sở; Tổng hợp tình hình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn tỉnh để báo cáo UBND Tỉnh;

- Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở; việc thực hiện theo Thông báo kết luận họp giao ban và công việc khác.

547.349.700 đồng, Phòng TCKH thành phố Biên Hòa: 299.391.470 đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai: 184.603.361 đồng, Sở Y tế Đồng Nai: 17.992.000 đồng, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai: 20.473.800 đồng, Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Đồng Nai: 224.146.066 đồng).

Qua kết quả thanh tra cho thấy, toàn thể CBCC Thanh tra Sở đã có nhiều nỗ lực trong công tác thanh tra tài chính – ngân sách, đã chỉ ra được những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, chỉ rõ được những vi phạm trong lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân sách, kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những đơn vị có sai phạm, khuyết điểm; đồng thời có những kiến nghị cụ thể chấn chỉnh những sai sót, tăng cường việc chấp hành tốt các chế độ quy định của nhà nước về tài chính – ngân sách.

Ngoài công tác thanh tra theo kế hoạch, Thanh tra Sở đã thực hiện tốt công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN, kiểm tra việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, kiểm tra công vụ; đồng thời, thực hiện tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra kịp thời theo đúng quy định.

Mặc dù, CBCC Thanh tra Sở đa số là cán bộ mới, kinh nghiệm công tác còn hạn chế nhưng cũng đã nhiều cố gắng học tập, trau dồi thêm kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn. Bên

				cạnh đó, do đặc thù công tác của Thanh tra Sở là thường xuyên đi công tác nhưng toàn thể CBCC đã thực hiện các báo cáo về công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng; khiếu nại, tố cáo; tiết kiệm, chống lãng phí đầy đủ và đảm bảo đúng thời gian quy định. Về việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan: Đa số cán bộ, công chức Thanh tra Sở chấp hành tốt nội quy, quy chế cơ quan cũng như những quy định về ứng xử trong công tác thanh tra. Tuy nhiên, đôi khi việc chấp hành giờ giấc làm việc còn chưa đúng theo thời gian quy định và đeo thẻ công chức trong thi hành công vụ.
5	Chi cục Tài chính doanh nghiệp (Đánh giá A)	- Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; chính sách tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập, chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. - Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật; - Quản lý phần vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể do địa phương thành lập theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo phân công của UBND tỉnh; - Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty		

		nhà nước; kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; - Tổng hợp tình hình chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước; phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên địa bàn, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn, báo cáo UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính phục vụ chính sách phát triển hợp tác xã, kinh tế tập thể trên địa bàn theo quy định của pháp luật; - Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở; việc thực hiện theo Thông báo kết luận họp giao ban và công việc khác.		
6	Phòng Giá công sản (Đánh giá A)	Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan, và địa phương để xác định giá thuê đất, giá thu tiền sử dụng đất và phương án giá đất trình UBND tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện việc thực hiện chính sách, xác định đơn giá thu và mức thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương Công bố danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá tại địa phương theo quy định của pháp luật Chủ trì thẩm định giá tài sản Nhà nước của các tổ chức,	- Dự thảo, ra Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ TSNN, giao TSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và sử dụng TSNN của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính vào mục đích SXKD, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết. Quản lý cơ sở dữ liệu tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện báo cáo tình hình	

		cá nhân trên địa bàn theo thẩm quyền của sở; phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh trên địa bàn. Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở; việc thực hiện theo Thông báo kết luận họp giao ban và công việc khác.	quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương Chủ trì thẩm định giá tài sản Nhà nước của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo thẩm quyền của sở; phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh trên địa bàn.	
7	Phòng Đầu tư (Đánh giá A)	- Phối hợp với Phòng Ngân sách Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn. Giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án ODA trên địa bàn; - Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư các cơ quan liên	Tham gia về chủ trương đầu tư, thẩm tra, thẩm định, tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư do tỉnh quản lý.	

quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm trình UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách; kế hoạch điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết; xây dựng kế hoạch điều chỉnh, điều hoà vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của chủ đầu tư và cơ quan tài chính huyện, xã; tình hình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, huyện;

- Tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương, các chương trình, dự án ODA trên địa bàn theo quy định;

- Tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư của địa phương, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định;

- Hướng dẫn các cơ quan Tài chính Thành phố, Thị xã và các Huyện thực hiện việc quản lý, cấp phát, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Cấp mã số dự án đầu tư XD CB

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thanh quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Bộ tài chính;

- Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ đối với các phòng thuộc Sở; việc thực hiện theo Thông báo kết luận họp giao ban và công việc khác.

2. Đánh giá khối lượng công việc, mức độ phức tạp của công việc và thời gian hoàn thành công việc theo quy định:

Theo Quy định tại Điều 5 - Chương I - Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, việc chọn lựa các phòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt A⁺ tỷ lệ không quá 70% (tức trong 08 phòng chỉ có 05 phòng được chọn để đánh giá A⁺), cụ thể như sau:

STT	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Phòng tự đánh giá (mức A+, A, B, C)	Tổng số văn bản phòng xử lý	Tổng số điểm	Khối lượng công việc	% mức độ phức tạp	Tỷ lệ văn bản trễ hạn của từng phòng %	Xếp loại của đơn vị (mức A+, A, B, C)
1	Phòng Tài chính HCSN	A+	1919	100	Nhiều	24,51%	0	A+
2	Phòng Ngân sách	A+	1270	100	Trung bình	16,22%	0	A+
3	Văn phòng	A+	1020	100	Trung bình	13,03%	0	A+
4	Thanh tra Sở	A+	148	100	Ít	1,89%	0	A+
5	Chi cục TCDN	A+	726	100	Ít	9,27%	0	A
6	Phòng Giá công sản	A+	2815	99,90	Nhiều	35,96%	0,57%	A
7	Phòng Đầu tư	A+	787	98,95	Trung bình	10,05%	0,13%	A

Phụ lục 2

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày /11/2018 của Sở Tài chính)

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10,5	9,7	
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	4	3,7	
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính	1	1	536/KH-STC ngày 29/01/2018
	Đúng thời hạn: 0,5			
	Đạt yêu cầu nội dung kế hoạch: 0,5			
	Không ban hành: 0			
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	3	2,7	
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.00}{100\%}$ Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0			- Xem báo cáo giải trình
1.2	Báo cáo CCHC	2	2	
1.2.1	Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC (báo cáo quý 1, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm)	1	1	- BC Quý 1: 1086/BC-STC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Đủ số lượng báo cáo: 1			ngày 02/03/2018
	Không đủ số lượng báo cáo: 0			- BC 6 tháng: 2740/BC-STC ngày 17/05/2018
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo kế hoạch CCHC của đơn vị và theo đúng yêu cầu của UBND tỉnh	0,5	0,5	- BC 9 tháng: 5204/BC-STC ngày 04/09/2018
	Đạt yêu cầu: 0,5			- BC năm: 6750/BC-STC ngày 15/11/2018
	Không đạt yêu cầu: 0			
1.2.3	Tất cả được gửi đúng thời gian quy định	0,5	0,5	
	Đúng thời gian quy định: 0,5			
	Không đúng thời gian quy định: 0			
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	2	537/KH-STC ngày 29/01/2018
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5	0,5	4420/STC-VP ngày 26/7/2018
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 100%: 0			
1.3.2	Phát hiện các vấn đề qua kiểm tra	0,5	0,5	
	Có phát hiện các vấn đề chưa phù hợp: 0,5			
	Không phát hiện ra các vấn đề chưa phù hợp: 0			
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	
	Từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý} \times 1.00}{100\%}$			
	Dưới 85%: 0			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
1.4	Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính	1	0,75	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền	0,5	0,5	- Báo cáo: 6750/BC-STC ngày 15/11/2018
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 100%: 0			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	0,5	0,25	
	Tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.25			
	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức khác: 0.25		0,25	Tờ rơi tại TT Hành chính công
1.5	Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính	1,5	1,25	
	Rà soát kết quả giải quyết hồ sơ định kỳ hàng tuần: 0,25; không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: 0.		0,25	Căn cứ kết quả xử lý được in hàng tuần, tháng
	Chỉ đạo, đôn đốc cấp dưới thực hiện cải cách hành chính đầy đủ, kịp thời: hàng tuần: 0,25, hàng tháng: 0,25; hàng quý 0,25; không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.		0,75	Thông báo kết luận gian ban hàng tháng
	Đôn đốc, phối hợp giải quyết hồ sơ: Nhắc cơ quan cấp trên giải quyết hồ sơ: 0,25; đôn đốc cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp giải quyết hồ sơ: 0,25.		0,25	770/STC-VP ngày 08/02/2018
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	7	6	
2.1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL theo đúng quy trình của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2018: Đạt tỷ lệ từ 90-100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản đúng quy trình} \times 2.00}{100\%}$	2	2	- Báo cáo 5699/BC-STC ngày 28/09/2018

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Dưới 90% văn bản: 0			
	Trường hợp đơn vị không tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật do không có quy định đơn vị phải tham mưu ban hành thì TC 2.1: 2			
2.2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	3	2	
2.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1,5	1,5	
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.5}{100\%}$			- Kế hoạch 993/KH-STC ngày 27/02/2018 - Báo cáo 5699/BC-STC ngày 28/09/2018
	Dưới 85% kế hoạch: 0			
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật:	1,5	0,5	
	Từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý} \times 1.5}{100\%}$			
	Dưới 85% các vấn đề: (0đ)			
	Trường hợp các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)		0,5	- Báo cáo 5699/BC-STC ngày 28/09/2018
2.3	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị	2	2	
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	- Báo cáo 5699/BC-STC ngày 28/09/2018
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được			Công văn 6159/STC-

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>tính theo công thức:</i> <u>Tỷ lệ % hoàn thành x 1.00</u> 100%			TCHCSN ngày 22/10/2018
	<i>Dưới 85% kế hoạch: 0</i>			
2.3.3	<i>Đề xuất xử lý các văn bản không còn phù hợp</i>	1	1	
	<i>Có đề xuất xử lý: 1</i>		1	
	<i>Có phát hiện văn bản không còn phù hợp nhưng không đề xuất xử lý: 0</i>			
	<i>Trường hợp qua kiểm tra các văn bản đều phù hợp, không phát sinh việc đề xuất xử lý: 0,5</i>			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	21	16.25	
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính	7,5	6	
3.1.1	<i>Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC</i>	0,5	0,5	537/KH-STC ngày 29/01/2018
	<i>Đúng thời hạn: 0,25</i>		0,25	
	<i>Đạt yêu cầu nội dung kế hoạch: 0,25</i>		0,25	
	<i>Không ban hành: 0</i>			
3.1.2	<i>Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC</i>	1	1	
	<i>Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> <u>Tỷ lệ % hoàn thành x 1.00</u> 100%			Báo cáo 6750/BC-STC ngày 15/11/2018
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>			
3.1.3	<i>Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính</i>	0,5	0,5	
	<i>Ban hành Kế hoạch rà soát, kiến nghị đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính</i>			Kế hoạch 3536/KH-STC ngày 20/06/2018

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Có ban hành kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>			
3.1.4	Xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính	0,5	0	
	<i>Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của ngành được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt: 0,5</i>			
	<i>Không được phê duyệt: 0</i>			
3.1.5	Cập nhật, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Bộ thủ tục hành chính 3 cấp.	2	1	
	<i>Cập nhật trình công bố trong thời hạn 01 tháng so với Bộ TTHC của Trung ương: 2</i>			
	<i>Cập nhật trình công bố từ 1 đến 2 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 1,5</i>			
	<i>Cập nhật trình công bố từ 2 đến 2,5 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 1</i>			
	<i>Cập nhật trình công bố từ 2,5 đến 3 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 0,5</i>			
	<i>Cập nhật trình công bố sau 3 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 0</i>			
3.1.6	Kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính	1	1	
	<i>Có ban hành kế hoạch kiểm tra; có tổ chức kiểm tra; có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra:</i>			- Kế hoạch: 537/KH-STC ngày 29/01/2018 - Kết luận: 4420/STC-VP ngày 26/7/2018
	<i>Có ban hành kế hoạch kiểm tra; có tổ chức kiểm tra; không có</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0,5</i>			
	<i>Có ban hành kế hoạch kiểm tra; không tổ chức kiểm tra; không có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0,25</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch kiểm tra; không tổ chức kiểm tra; không có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0</i>			
3.1.7	Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính	0,5	0,5	
	Tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn lại nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị, địa phương: 0,5			
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; nhưng có tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị: 0,25			
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; không tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị: 0			
3.1.8	Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân	1,5	1,5	
	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được giải quyết đạt yêu cầu (nội dung, thời hạn) đạt từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% PAKG giải quyết đạt yêu cầu} \times 1,5}{100\%}$ Dưới 80%: 0 Trường hợp địa phương không có phản ánh, kiến nghị: 1,5			
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	13,5	10,25	
3.2.1	Thực hiện cơ chế một cửa	1,5	1,5	
	<i>Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành do UBND</i>		1	100% TTHC Sở Tài chính thực hiện theo cơ chế một

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>tính công bố:</i> <i>Đạt từ 85% - 100% tổng số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC thực hiện theo CCMC} \times 100}{100\%}$ <i>Dưới 85% số TTHC: 0</i>			cửa
	Cung cấp các dịch vụ công cần thiết cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh: 0,5; chưa thực hiện: 0		0,5	
3.2.2	Số lượng thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông:	2	1,5	
	Đơn vị thực hiện đầy đủ TTHC liên thông theo chỉ đạo của Trung ương, của UBND tỉnh: 1,5; chưa thực hiện liên thông hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0			
	Đơn vị không thực hiện cơ chế một cửa liên thông do TTHC không có điều kiện để liên thông: 1,5			
	Trường hợp đơn vị chủ động thực hiện cơ chế một cửa liên thông mặc dù không quy định bắt buộc phải liên thông: 2.			
3.2.3	Thực hiện quy trình tiếp nhận, luân chuyển, trả kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC theo cơ chế một cửa:	0,5	0,25	
	Thực hiện đúng quy định: 0,25		0,25	
	Chủ động đề xuất điều chỉnh bổ sung cho phù hợp: 0,25			
	Trường hợp quy định thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa của đơn vị qua rà soát vẫn còn phù hợp không cần điều chỉnh, bổ sung (đối với các đơn vị chưa đưa TTHC ra Trung tâm hành chính công tỉnh): 0,25		0,25	
3.2.4	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	2,5	1,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	100% hồ sơ có phiếu biên nhận (đối với hồ sơ phải ghi phiếu biên nhận): 0,5		0,5	
	100% hồ sơ vào sổ trả hồ sơ: 0,5		0,5	
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình luân chuyển hồ sơ: 0,5		0,5	
	100% hồ sơ trễ hạn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân: 1; Trường hợp 100% hồ sơ đúng hạn không phát sinh văn bản xin lỗi: 1			
3.2.5	<i>Công tác giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ trả đúng hạn từ 85% đến 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ trả đúng hạn} \times 5,00}{100\%}$ <i>Dưới 85% trả đúng hạn: 0</i>	5	4,5	Sở Tài chính đạt 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn – Tài liệu số 17
3.2.6	<i>Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính</i>	2	1	
	<i>Trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: 0,5</i>		0,5	
	<i>Nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: 0,5</i>		0,5	
	<i>Số lượng hồ sơ tiếp nhận, trả qua dịch vụ bưu chính công ích tăng 30% so với năm trước: 1; tăng dưới 30%: 0,5; không tăng: 0</i>			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	9	9	
4.1	<i>Triển khai kế hoạch của UBND tỉnh triển khai kế hoạch số 166-NQ/TW ngày 02/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về "một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", đảm bảo các yêu cầu về:</i>	4	4	- Kế hoạch 3939/KH-STC ngày 05/07/2018 - Đề án 6576/ĐA-STC ngày 08/11/2018
	<i>Số lượng biên chế cấp phòng: 1</i>		1	
	<i>Số lượng lãnh đạo cấp phòng: 1</i>		1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Giảm quy mô bộ phận hỗ trợ, phục vụ: 1</i>		1	
	<i>Tinh giản biên chế theo đúng lộ trình: 1</i>		1	
4.2	<i>Triển khai kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"</i>	3	3	Kế hoạch 4169/KH-STC ngày 16/07/2018
	<i>Xây dựng kế hoạch triển khai đáp ứng yêu cầu: 0,25</i>			
	<i>Báo cáo đúng yêu cầu về nội dung, tiến độ: 0,25</i>			Báo cáo định kỳ theo Kế hoạch 5874/KH-UBND ngày 08/06/2018
	<i>Kết quả triển khai nhiệm vụ đạt yêu cầu: 2,5; không đạt yêu cầu: 0</i>			
	<i>Trường hợp đơn vị không triển khai do trong kế hoạch của UBND tỉnh không có quy định đơn vị phải triển khai thì điểm TC 4.2: 3</i>		3	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2	2	
4.3.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị	1	1	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1			
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp	0,5	0,5	
	Có thực hiện: 0,5			
	Không thực hiện: 0			
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Có phát hiện vấn đề không còn phù hợp nhưng không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	12	11	
5.1	Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt	2	2	- Đề án 6576/ĐA-STC ngày 08/11/2018
5.2	Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức	7	7	
5.2.1	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức đúng quy định: 2	2	2	
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0			
	Trong trường hợp cơ quan, đơn vị không tổ chức tuyển dụng viên chức do không còn số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp (biên chế): 2			
5.2.2	<i>Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức:</i> <i>Đạt từ 85-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:</i> $\frac{\text{Tỷ lệ \% công chức được bố trí đúng quy định}}{100\%} \times 1,5$ <i>Dưới 85%: 0</i>	1,5	1,5	Xem báo cáo giải trình
5.2.3	<i>Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp:</i> <i>Đạt từ 80-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:</i> $\frac{\text{Tỷ lệ \% viên chức được bố trí đúng quy định}}{100\%} \times 1,5$	1,5	1,5	Sở Tài chính hiện không có viên chức

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Dưới 80%: 0 Trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có viên chức: 1,5			
5.2.4	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu điện tử	2	2	
	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm theo đúng yêu cầu: 1; chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0;		1	
	Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức, viên chức: 1.		1	Thực hiện tra cứu, lập báo cáo danh sách cán bộ theo yêu cầu
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	3	2	
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	0,5	0.5	Kế hoạch 5094/KH-STC ngày 22/09/2017
	Ban hành kịp thời (chậm nhất vào tháng 9 năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5		0.5	
	Ban hành không kịp thời: 0,25			
	Không ban hành: 0			
5.3.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ: Tỷ lệ % cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng với thời gian học tối thiểu từ 01 tuần/01 năm trở lên: Đạt từ 50-100% thì điểm đánh giá tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC được đào tạo, bồi dưỡng}}{100\%} \times 2.5$	2,5	2	Báo cáo 5965/BC-STC ngày 11/10/2018
	Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0			
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	6	6	
6.1	Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức hàng năm: Thể hiện có thu nhập tiết kiệm tăng thêm cho cán bộ, công chức			
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015: Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập: 2	2	2	
	Đạt từ 50-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ} \times 1.00}{100\%}$ Dưới 50%: 0			
	Có đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên: 0,5			
	Có đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư: 0,5			
6.3	Tỷ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi đạt yêu cầu (theo Nghị quyết số 19-NQ/TW): 1; trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập: 1	1	1	
6.4	Tham mưu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo yêu cầu: 2; chưa ban hành hoặc có ban hành chưa đảm bảo yêu cầu: 0; trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập: 2	2	2	
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	12	11	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính	4	4	
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin:	1	1	Công văn số 6784/STC-VP

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> <u>Tỷ lệ % hoàn thành x 1.00</u> 100% <i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>			ngày 15/11/2018
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác: <i>Đạt từ 95-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:</i> <u>Tỷ lệ % văn bản trao đổi điện tử x 1.00</u> 100% <i>Dưới 95%: 0</i>	1	1	Căn cứ trên phần mềm QLVB Egov
7.1.3	<i>Tỷ lệ lãnh đạo cấp sở, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.</i> <i>Đạt 100% tổng số lãnh đạo: 1</i> <i>Từ 95% đến dưới 100% tổng số: 0,5</i> <i>Dưới 95% tổng số: 0</i>	1	1	Căn cứ trên phần mềm QLVB Egov
7.1.4	Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc: <i>Đạt từ 90-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:</i> <u>Tỷ lệ % CCVC sử dụng văn bản điện tử x 1.00</u> 100% <i>Dưới 90%: 0</i>	1	1	Căn cứ trên phần mềm QLVB Egov
7.2	Ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính	4,5	3,5	
7.2.1	<i>Đạt 100% hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa hiện đại: 1</i>	1	1	Căn cứ trên phần mềm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Dưới 100%: 0</i>			Egov
7.2.2	<i>Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	2	2	
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3: 0,5; không cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 0; trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 3 do không quy định: 0,5		0,5	
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4: 0,5; không cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 0; trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 4 do không quy định: 0,5		0,5	
	<i>Tỷ lệ tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (bao gồm hồ sơ trực tuyến, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp theo cơ chế một cửa) của tất cả các TTHC, dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3: Đạt từ 10% trở lên: 0,5; Từ 5% đến dưới 10%: 0,25 Dưới 5%: 0. Trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 3 do không quy định: 0,5</i>		0,5	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3 là 231/353 ≈ 61% (căn cứ báo cáo CCHC năm)</i>
	Có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4: (0,5đ); không có hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 4: 0; trường hợp không cung cấp dịch vụ công mức độ 4 do không quy định: 0,5.		0,5	
7.2.3	<i>Ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử.</i>	1,5	0,5	
	<i>Đã ứng dụng chữ ký số, chứng thư số: 0,25</i>		0,25	
	<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp: 0,25</i>		0,25	
	<i>Từ 50% lãnh đạo cấp sở sử dụng chữ ký số để xác thực văn bản</i>		0	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>điện tử: 1</i>			
7.3	Chất lượng Trang thông tin điện tử của đơn vị	1,5	1,5	
7.3.1	Tính kịp thời của thông tin	0,5	0,5	
7.3.2	Mức độ đầy đủ của thông tin	0,5	0,5	
7.3.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	0,5	0,5	
7.4	Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO điện tử) trên cơ sở ứng dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của đơn vị:	2	2	
	Thực hiện đạt theo yêu cầu: 2			
	Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0			
8	SÁNG KIẾN, CÁCH LÀM MỚI TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	7	3	Xem báo cáo giải trình
	01 sáng kiến: 1			
	Từ 7 sáng kiến trở lên: 8			
	Không có sáng kiến: 0			
9	KẾT QUẢ THAM MUỖ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	+/-3	1	
9.1	Tiêu chí chung của các sở, ban, ngành	+/-3		
	01 nhiệm vụ đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai): +1/-1			
	02 nhiệm vụ đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai): +2/-2			
	Từ 03 nhiệm vụ trở lên đảm bảo theo yêu cầu/không đảm bảo theo yêu cầu (hoặc không triển khai): +3/-3			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	Trường hợp đơn vị, địa phương không triển khai, do trong các chỉ đạo của cấp trên, đơn vị không có nhiệm vụ phải triển khai: 0			
9.2	Tiêu chí cụ thể của một số sở, ngành	+/- 3		
9.2.1	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh hàng năm	+/-3		
	Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC cấp tỉnh theo Quyết định số 2848/BNV-CCHC ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ đối với các sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh về lĩnh vực được phân phụ trách của năm trước liền kề như sau: - Đạt điểm tối đa theo quy định: +3; - Tăng điểm so với năm trước: +2; - Trừ ít hơn 10% số điểm lĩnh vực: +1; - Trừ từ 10% đến dưới 20% số điểm lĩnh vực: -1; - Trừ từ 20% đến dưới 30% số điểm lĩnh vực: -2; - Trừ từ 30% số điểm lĩnh vực trở lên: -3.		1	
9.2.2	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) hàng năm	+/-1	0	
	Kết quả đánh giá Chỉ số PAPI đối với Thanh tra tỉnh các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo về lĩnh vực thuộc trách nhiệm của đơn vị trong năm trước liền kề như sau: - Tăng điểm so với năm trước liền kề: +1; - Giảm điểm so với năm trước liền kề: -1.			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
9.2.3	Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm	+/-1	1	
	Kết quả đánh giá Chỉ số PCI theo phân công trong kế hoạch số 6258/KH-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh, đối với Văn phòng UBND tỉnh và các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Tài chính, Thanh tra tỉnh, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội) về các chỉ tiêu thuộc trách nhiệm của đơn vị trong năm trước liền kề như sau: - Đạt từ 95% trở lên số chỉ tiêu tăng hoặc bằng điểm so với năm trước (1đ); - Đạt từ 85% đến dưới 95% số chỉ tiêu tăng hoặc bằng điểm so với năm trước (0,5đ) - Đạt dưới 85% số chỉ tiêu tăng hoặc bằng điểm so với năm trước: 1.			
10	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC	12,5		
10.1	<i>Hiệu quả của công tác tuyên truyền cải cách hành chính</i>	1,5		<i>Khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân</i>
10.2	<i>Sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, dịch vụ công của đơn vị (thành phần hồ sơ, thời hạn, lệ phí)</i>	2		<i>Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp</i>
10.3	<i>Tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong tiếp nhận, hướng dẫn, trả kết quả giải quyết hồ sơ</i>	2,5		<i>Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp</i>
10.4	<i>Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về kết quả giải quyết TTHC, dịch vụ công</i>	3		<i>Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp</i>
10.5	<i>Hiệu quả của công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa</i>	3,5		<i>Khảo sát ý kiến các sở,</i>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>phương trong năm</i>			<i>ngành, UBND cấp huyện</i> Tài liệu kiểm chứng
Tổng điểm phần 1: 72.95 (<i>chưa tính mục 10 do Sở Nội vụ chấm điểm</i>)		Tổng điểm quy đổi phần 1 (50%): 36,475		

Phần II: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ (30%)

TIÊU CHÍ 1. KẾT QUẢ THAM MƯU CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH

STT	Nội dung	Số yêu cầu đạt	Đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Dự thảo báo cáo tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2017	5	A ⁺	CV số 6107/STC-NSNN ngày 01/11/2017 về dự thảo báo cáo tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2017	
2	Dự thảo tờ trình, nghị quyết HĐND tỉnh về phê chuẩn quyết toán NSNN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016	5	A ⁺	CV số 6050 /STC-NSNN ngày 31/10/2017 dự thảo tờ trình và nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2016	
3	Hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, nghị quyết về dự toán thu chi ngân sách năm 2017 (đợt 2); dự toán thu chi ngân sách năm 2018	5	A ⁺	CV số 6483 /STC-NSNN ngày 20/11/2017 Hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, nghị quyết về dự toán thu chi ngân sách năm 2017 (đợt 2); dự toán thu chi ngân sách năm 2018	
4	Hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã nộp vào	5	A ⁺	CV số 6426 /STC-NSNN ngày 15/11/2017 về hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã nộp vào Ngân sách nhà	

	Ngân sách nhà nước			nước	
5	Dự thảo báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2017(bổ sung)	5	A ⁺	CV số 6543/STC-NSNN ngày 25/11/2017 Dự thảo báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2017(bổ sung)	
6	báo cáo nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 6 tháng đầu năm 2018	5	A ⁺	CV số 3221/STC-NSNN ngày 06/6/2018 về Dự thảo báo cáo tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 6 tháng đầu năm 2018	
7	Tờ trình nghị quyết HĐND và quyết định của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 06 tháng đầu năm 2018	5	A ⁺	QĐ số 311/QĐ-STC Ngày 20/7/2018 về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đợt 1	
8	Báo cáo kết quả Thực hành Tiết kiệm chống lãng phí năm 2017	5	A ⁺	Công văn số 953/STC-TTr ngày 23/02/2018 của Sở tài chính V/v dự thảo báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2017 trên địa bàn tỉnh.	
9	Trình UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản	5	A ⁺	Tờ trình số 3001/TTR-STC ngày 29/5/2018 của Sở Tài chính về Nghị quyết ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai. Tờ trình số 4429/TTr-STC ngày 27/7/2018 về việc triển khai nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai	

10	Trình UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 về xe chuyên dùng	5	A ⁺	Công văn số 3415/BC-STC ngày 13/6/2018 về kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành 6 tháng đầu năm 2018.	
11	Trình UBND tỉnh ban hành các quy định khác về quản lý tài sản công theo Luật Quản lý tài sản công	5	A ⁺	Công văn số 6420/STC-GCS ngày 30/10/2018 về việc rà soát, thống nhất danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng.	
12	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác cho BDM&PTDN tỉnh	5	A ⁺	1. Báo cáo kết quả công tác 9 tháng và Chương trình công tác Quý IV năm 2017 của Ban chỉ đạo & Phát triển doanh nghiệp tỉnh; 2. Hoàn chỉnh báo cáo kết quả công tác 9 tháng và Chương trình công tác quý IV năm 2017 của Ban chỉ đạo & Phát triển doanh nghiệp tỉnh; 3. Báo cáo kết quả công tác năm 2017 và Chương trình công tác năm 2018 của ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; 4. Hoàn chỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2017 và Chương trình công tác năm 2018 của BDM & PTDN tỉnh; 5. Báo cáo kết quả công tác Quý 1 và Chương trình công tác quý 2 năm 2018 của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; 6. hoàn chỉnh báo cáo kết quả công tác quý 2 và Chương trình công tác quý 3 năm 2018 của BDM & PTDN tỉnh.	
Tổng điểm tiêu chí 1 là: $[(12 \times 3) : (12 \times 3)] \times 0,1 \times 100 = 10$ điểm					

TIÊU CHÍ 2 . KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN CÔNG QUẢN LÝ

STT	Tên Phòng ban, Đơn vị trực thuộc	Đánh giá			Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		Những nội dung thực hiện chưa tốt	Mức độ đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Điểm		
1	Phòng Tài chính Hành chính Sự nghiệp		A ⁺	3	Trong năm 2018, phòng TCHCSN đã chủ động tham mưu UBND tỉnh cho các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên được sử dụng sử dụng nguồn CCTL lũy kế từ các năm trước đến năm 2016 theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018-2019. Ngày 13/07/2018, UBND tỉnh có văn bản 7285/UBND-KT chấp thuận cho các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên được sử dụng sử dụng nguồn CCTL lũy kế từ các năm trước đến năm 2016, số kinh phí được xem như là nguồn thu sự nghiệp năm 2018 của các đơn vị này. - Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng	

					Nai; dự thảo Quyết định 23/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết 90/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài các ưu điểm trên, trong năm 2017 Phòng TCHCSN còn đạt được một số ưu điểm khác, cụ thể như sau: - Trong công tác thẩm định cấp phát kinh phí, sau khi có chủ trương của HĐND tỉnh và UBND tỉnh về phân bổ kinh phí đầu năm và bổ sung kinh phí năm 2017, phòng TCHCSN đã triển khai ngay việc nhập dự toán và bổ sung kinh phí trên hệ thống Tabmis để kịp thời cấp phát kinh phí. - Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trong dịp Tết nguyên đán năm 2018 theo Quyết định số Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh. - Hoàn thành công tác ghi thu – ghi chi chuyển cho Phòng NSNN tổng hợp. - Thực hiện hướng dẫn các đơn vị khối tỉnh chuyển nguồn kinh phí năm 2017 sang năm 2018.	
2	Phòng Ngân sách		A+	3	- Phòng Ngân sách đã tham mưu xử lý đúng và trước hạn các nhiệm vụ chuyên môn được phân công về các lĩnh vực thu chi ngân sách, phí, lệ phí, nông thôn mới, các chính sách xã hội... - Thực hiện tốt công tác lập dự toán 2019 như đã chủ động tham mưu phân bổ dự toán ngân	

					sách phù hợp tình hình kinh tế xã hội từng địa bàn trong tỉnh năm 2019, đảm bảo nhu cầu kinh phí hoạt động tăng thêm của các ngành, các cấp. - Chủ động cân đối các nguồn thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh, phối hợp với các phòng thuộc Sở tham mưu Ban giám đốc phương án bổ sung dự toán cho các nhiệm vụ chi cần thiết phát sinh, tháo gỡ khó khăn về kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh và huyện. - Đã tham mưu soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả cao như: Nghị quyết quy định thời gian gửi các tài liệu tài chính - ngân sách; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã, biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch để thực hiện xây dựng tài liệu tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ...
3	Văn phòng Sở		A+	3	Trong năm 2018, với chức trách, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Sở đã chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: <u><i>* Công tác tổ chức cán bộ</i></u> - Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, chính sách và theo quy trình về công tác tổ chức cán bộ như xét nâng lương, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng, công tác phí, quy hoạch, bổ nhiệm.... - Tham mưu cho Giám đốc sở thực hiện tốt việc theo dõi, kiểm tra, thống kê kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các Phòng, đơn vị thuộc

				sở và từng CBCC tại các cuộc họp giao ban hàng tháng. <i>* Công tác thi đua khen thưởng:</i> - Sở Tài chính tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 454/QĐ-STC ngày 10/11/2016 về việc Quy định tiêu chí đánh giá kết quả thi đua hàng tháng, quý, năm đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở Tài chính. Đây là cơ sở để bình xét thi đua cho CBCC tại cơ quan. Sở sẽ thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng năm 2018 trong quý 4/2018. Ngoài ra, Sở được UBND tỉnh khen thưởng các thành tích chuyên đề như: khen thưởng thành tích tiêu biểu trong thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và Hội trại tòng quân năm 2018; công tác thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013-2017); công tác đảm bảo an ninh trật tự phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; - Tổ chức tổng kết thi đua yêu nước; đăng ký thi đua, báo cáo thi đua thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định <i>* Công tác cải cách hành chính:</i> - Ban hành Kế hoạch số 536/KH-STC ngày 29/01/2018 về kế hoạch cải cách hành chính năm 2018; đồng thời, hàng quý, năm, Sở đều thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định. - Trong năm 2018, Sở đã thực hiện niêm yết	
--	--	--	--	---	--

				công khai các Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tại Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài chính tỉnh Đồng Nai. - Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại trung tâm hành chính công theo văn bản số 4051/UBND-HCTC ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh về tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính. Đồng thời, triển khai văn bản số 10537/UBND-HCC ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh về thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2018, tất cả các thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa tại Sở Tài chính đều được giải quyết đúng hạn. - Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, đã có 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện chế độ khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính. Thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ (trước đây là Nghị định 43/2006/NĐ-CP), có 100% đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và 100% đơn vị sự nghiệp cấp huyện thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ,	
--	--	--	--	---	--

				tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. <u>* Công nghệ thông tin:</u> Sở Tài chính tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính, thể hiện ở những điểm sau: - Về trang thiết bị công sở luôn đảm bảo điều kiện làm việc, mỗi CBCC hành chính đều được trang bị 01 bàn làm việc, 01 máy vi tính nối mạng nội bộ và kết nối Internet. - Triển khai sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc ứng dụng I-OFFICE. - Tiếp tục triển khai chương trình phần mềm một cửa và một cửa liên thông, phần mềm Quản lý ngân sách 8.0, chương trình cấp mã số, chương trình đăng ký tài sản. Ngoài ra, Sở Tài chính còn trang bị thêm hệ thống Internet nhằm kết nối với các phòng Tài chính kế hoạch, cũng như truy cập mạng tìm kiếm thông tin và ứng dụng các chương trình mã nguồn mở trong việc xử lý công tác chuyên môn. - Tiếp tục duy trì thực hiện việc gửi nhận văn bản điện tử. - Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-2008 đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Tài chính. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Sở tiếp tục thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-	
--	--	--	--	--	--

					2008 đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Tài chính tại Quyết định số 272/QĐ-STC ngày 23/7/2014. <u>* Công tác tổng hợp:</u> - Kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính và các Sở ngành theo quy định. - Toàn thể CBCC Văn phòng đã đoàn kết, tương trợ nhau tổ chức thực hiện tốt, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao, toàn thể CBCC Văn phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2018.	
4	Thanh tra Sở		A	2	Trong năm 2018 (tháng 10/2017 - 09/2018), Thanh tra Sở đã triển khai 09 cuộc thanh tra. Trong đó có 09 cuộc thanh tra theo Kế hoạch, đạt 100% kế hoạch đã đề ra. Qua thanh tra, đã phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách số tiền: 1.293.956.397 đồng (Trong đó: Trung tâm TDDT trực thuộc Sở VH-TDL: 547.349.700 đồng, Phòng TCKH thành phố Biên Hòa: 299.391.470 đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai: 184.603.361 đồng, Sở Y tế Đồng Nai: 17.992.000 đồng, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai: 20.473.800 đồng, Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Đồng Nai: 224.146.066 đồng). Qua kết quả thanh tra cho thấy, toàn thể	

				CBCC Thanh tra Sở đã có nhiều nỗ lực trong công tác thanh tra tài chính – ngân sách, đã chỉ ra được những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, chỉ rõ được những vi phạm trong lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân sách, kiến nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những đơn vị có sai phạm, khuyết điểm; đồng thời có những kiến nghị cụ thể chấn chỉnh những sai sót, tăng cường việc chấp hành tốt các chế độ quy định của nhà nước về tài chính – ngân sách. Ngoài công tác thanh tra theo kế hoạch, Thanh tra Sở đã thực hiện tốt công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN, kiểm tra việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, kiểm tra công vụ; đồng thời, thực hiện tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra kịp thời theo đúng quy định. Mặc dù, CBCC Thanh tra Sở đa số là cán bộ mới, kinh nghiệm công tác còn hạn chế nhưng cũng đã nhiều cố gắng học tập, trau dồi thêm kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó, do đặc thù công tác của Thanh tra Sở là thường xuyên đi công tác nhưng toàn thể CBCC đã thực hiện các báo cáo về công tác thanh tra;	
--	--	--	--	---	--

					phòng, chống tham nhũng; khiếu nại, tố cáo; tiết kiệm, chống lãng phí đầy đủ và đảm bảo đúng thời gian quy định. Về việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan: Đa số cán bộ, công chức Thanh tra Sở chấp hành tốt nội quy, quy chế cơ quan cũng như những quy định về ứng xử trong công tác thanh tra. Tuy nhiên, đôi khi việc chấp hành giờ giấc làm việc còn chưa đúng theo thời gian quy định và đeo thẻ công chức trong thi hành công vụ.	
5	Chi cục Tài chính doanh nghiệp		A	2		
6	Phòng Giá công sản	- Dự thảo, ra Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ TSNN, giao TSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và sử dụng TSNN của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính vào mục đích SXKD, dịch vụ, cho thuê, liên	A	2		

doanh, liên kết.

Quản lý cơ sở dữ liệu tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương

Chủ trì thẩm định giá tài sản Nhà nước của các tổ chức, cá nhân

		trên địa bàn theo thẩm quyền của sở; phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh trên địa bàn.				
7	Phòng Đầu tư	Tham gia về chủ trương đầu tư, thẩm tra, thẩm định, tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư do tỉnh quản lý.	A	2		
Tổng điểm tiêu chí 2: [18:(70%x4x3 + 30%x3x2)]x0,4x100 = 71 điểm						
TIÊU CHÍ 3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC KHÁC						
STT	Nội dung	Đánh giá		Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú	
		Mức độ đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Điểm			
1	Quản lý tài chính, tài sản	A ⁺	3	Thực hiện tốt việc quản lý tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của CBCC		
2	Phổ biến tuyên truyền pháp luật và tham mưu xây dựng VBQPPL	A ⁺	3	- Sở Tài chính thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật cho		

				toàn thể CBCC như: triển khai Nghị quyết; triển khai học tập chuyên đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về trung thực, trách nhiệm, gắn bó với nhân dân, đoàn kết xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh....	
3	Lập và thực hiện Kế hoạch, quản lý đầu tư (nếu có)	A ⁺	3	Không có	
4	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	A ⁺	3	Bổ trí nơi tiếp công dân và cán bộ tiếp dân theo quy định. Ban hành Thủ tục hành chính về giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực tài chính và giao Thanh tra Sở chịu trách nhiệm trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo được xử lý theo đúng quy định.	
5	Tổng hợp, báo cáo	A ⁺	3	Thực hiện tốt công tác báo cáo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định.	
6	Quản lý công chức, viên chức	A ⁺	3	Thực hiện đúng theo quy định của Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ; CBCC được bố trí công tác phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	
7	Quản lý tổ chức - biên chế (vị trí việc làm) và quản lý hội	A ⁺	3	Sở Tài chính đã xây dựng Kế hoạch số 1033/KH-STC ngày 28/2/2018 về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC Sở Tài chính Đồng Nai năm 2018 và báo cáo số 5965/BC-STC ngày 11/10/2018 về báo cáo kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC năm 2018.	
8	Quản lý văn thư lưu trữ	A ⁺	3	Thực hiện tốt việc quản lý văn thư lưu trữ, công văn đến, công văn đi, lưu trữ và luân chuyển công văn khoa học, quản lý và sử dụng con dấu đúng quy định.	
9	Thi đua khen thưởng	A ⁺	3	Thực hiện tốt công tác thi đua theo đúng hướng dẫn của ban Thi đua khen thưởng; tổ chức tổng kết thi đua đúng thời hạn theo quy định.	

11	Hoạt động của tổ chức Đoàn TNCSHCM	A ⁺	3	Đoàn cơ sở Sở Tài chính đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong việc chủ động triển khai các hoạt động phong trào, công tác từ thiện, các buổi sinh hoạt chuyên đề... tham gia đầy đủ các phong trào do cơ quan, Đoàn khối và công đoàn phát động. Thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.
12	Hoạt động của tổ chức Công đoàn	A ⁺	3	Với sự hỗ trợ của Đảng ủy phối hợp với Đoàn Thanh niên, Công Đoàn cơ sở Sở Tài chính đã thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Thường xuyên tổ chức các phong trào thể thao, chăm lo các đời sống cho CBCC, tham gia đầy đủ các phong trào từ thiện,...
13	Hoạt động của tổ chức Đảng	A ⁺	3	Thực hiện tốt vai trò phối hợp Chính quyền và lãnh đạo tổ chức đoàn thể, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với Đảng viên và quần chúng trong cơ quan, nhận thức có diễn biến tích cực; công tác xây dựng Đảng thực hiện tốt theo nghị quyết, chỉ thị cấp trên và chỉ đạo của Đảng ủy Khối dân chính Đảng.
14	Công tác dân vận chính quyền và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	A ⁺	3	Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và luôn đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở. Sở Tài chính đã xây dựng kế hoạch số 996/KH-STC ngày 27/2/2018 về kế hoạch thực hiện dân chủ cơ sở năm 2018 và kế hoạch số 997/KH-STC ngày 27/2/2018 về kế hoạch thực hiện dân vận chính quyền năm 2018. Sở đã báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và dân vận chính quyền năm 2018 tại báo cáo số 5895/BC-STC ngày 16/10/2018.
Tổng điểm Tiêu chí 3: [(14x3):(14x3)]x0,2x100 = 20điểm				

TIÊU CHÍ 4. VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG THEO DÕI, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ TẠI ĐƠN VỊ

STT	Nội dung	Thang điểm	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Xây dựng và áp dụng hệ thống theo dõi, giám sát đánh giá nội bộ (*)	10	10		
	Bảng phần mềm	10	10	Công văn 4416/TB-STC ngày 26/7/2018 về việc vận hành chính thức phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc trên eGov.	
	Bảng thủ công	5			
	Không có	0			
2	Phân công công chức phụ trách cố định, xuyên suốt	5	5		
	Có	5	5	Quyết định số 4289/QĐ-STC ngày 20/7/2018 về việc thành lập Tổ quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov tại Sở Tài chính	
	Không	0			
3	Đánh giá trách nhiệm, kiểm điểm đối với các trường hợp chậm trễ	10	10		
	Có	10	10	Biên bản số 6253/BB-STC ngày 25/10/2018 về việc đánh giá việc thực hiện phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov	
	Không	5			
4	Đưa kết quả kiểm điểm đánh giá vào khen thưởng, kỷ luật hàng năm	5	5	Sở Tài chính đã thực hiện đánh giá công vụ và đã trừ điểm những phòng thực hiện chậm trễ và sẽ thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng trong tháng 12 và quý 1/2019	

	Có	5	5		
	không	0			

Tổng điểm tiêu chí 4: 30 điểm

Tổng điểm phần II: 10 điểm + 71 điểm + 20 điểm + 30 điểm = 131 điểm => Điểm quy đổi 30%: 39,3 điểm

PHẦN III: KỶ LUẬT KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH (20%)

STT	Nội dung	Đánh giá		Văn bản căn cứ	Ghi chú
		Điểm cộng	Điểm trừ		
	01 văn bản nhắc nhở <i>Công văn 5168/UBND-ĐT ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn thành báo cáo phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nhắc lần 2)</i>	+1	-2	Sở Tài chính đã ban hành văn bản số 3033/STC-ĐT ngày 30/5/2018 về việc báo cáo tiến độ thực hiện phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	
Tổng điểm tiêu chí 3			-1	Điểm quy đổi 20%: 15 điểm – 1 điểm = 14 điểm	

Tổng điểm đánh giá: Phần I + phần II + phần III = 36,475 điểm + 39,3 điểm + 14 điểm = 89,775 ~ làm tròn 90 điểm

Tự phân loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

BIÊN BẢN HỌP

Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov

Căn cứ Kế hoạch 368/KH-TTCNTT&TT ngày 08/6/2018 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông – Sở Thông tin và Truyền thông về triển khai phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov tại Sở Tài chính;

Trên cơ sở đó, ngày 22/6/2018, Sở Tài chính đã phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông triển khai tập huấn sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov (phần mềm eGov) cho toàn thể cán bộ công chức;

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 ngày 25/10/2018, tại phòng họp Sở Tài chính, Ban Giám đốc Sở đã tiến hành họp đánh giá công vụ của Sở Tài chính năm 2018:

I. Thành phần tham dự:

- Ông Huỳnh Thanh Bình - Giám đốc Sở - Chủ trì;
- Ông Đinh Việt Tiến - Phó Giám đốc Sở ;
- Ông Lê Văn Thư - Phó Giám đốc Sở;
- Ông Đặng Văn Tấn - Phó Giám đốc Sở;
- Ông Nguyễn Lương Hoà – Chánh Văn phòng – Tổ trưởng;
- Bà Mai Trần Cát Tường - Phó Chánh Văn phòng – Tổ phó - Thư ký;

Cùng Lãnh đạo các phòng, Chi cục TCDN.

II. Nội dung cuộc họp:

Đ/c Huỳnh Thanh Bình - Giám đốc Sở triển khai nội dung cuộc họp:

1. Đ/c Nguyễn Lương Hoà – Tổ trưởng Tổ quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov báo cáo kết quả:

Sau thời gian triển khai thực hiện, Tổ quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov đã tiến hành đánh giá việc thực hiện công việc trên eGov tại các phòng thuộc Sở, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, kết quả như sau:

Toàn thể cán bộ công chức Sở Tài chính luôn tích cực và cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, vẫn còn 02 phòng thực hiện xử lý công việc trễ hạn, cụ thể:

- Phòng Giá Công sản: có 16 công việc trễ hạn.
- Phòng Đầu tư: có 02 công việc trễ hạn trong đó có công việc có văn bản nhắc nhở của UBND tỉnh.

2. Qua báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá của đ/c Nguyễn Lương Hoà – Tổ trưởng, từng thành viên trong Ban Lãnh đạo Sở có ý kiến như sau:

2.1 Ý kiến của đ/c Huỳnh Thanh Bình - Giám đốc Sở:

Qua kết quả báo cáo của đ/c Nguyễn Lương Hoà, đ/c Huỳnh Thanh Bình - Giám đốc Sở nhắc nhở Lãnh đạo phòng Giá Công sản và phòng Đầu tư chân chính việc thực hiện nhiệm vụ được giao, hạn chế để xảy ra công việc bị trễ hạn như trên.

Đồng thời, đ/c Bình cũng yêu cầu Lãnh đạo các phòng, Chi cục TCDN cần chú ý hơn đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao trên Chương trình eGov và công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các phòng, Chi cục TCDN nhằm tránh xử lý công việc bị trễ hạn.

Ngoài ra, Đồng chí cũng yêu cầu Lãnh đạo các phòng, Chi cục TCDN quán triệt đến CBCC những nội dung sau:

+ Khi được phân công nhiệm vụ trên eGov thì phải xử lý văn bản đúng thời gian quy định, nếu trường hợp nội dung xử lý phức tạp thì đề nghị phòng chuyên môn phải có văn bản đề nghị được gia hạn thời gian xử lý (*lưu ý nhất là các văn bản của UBND tỉnh yêu cầu báo cáo*) nhằm hạn chế công việc bị trễ hạn.

+ Khi thực hiện tạo văn bản phát hành đi trên eGov phải trích yếu nội dung, nhập nơi lưu trữ; phản ánh văn bản trễ hạn của các phòng trong Biên bản và Báo cáo họp giao ban hàng tháng.

2.2 Ý kiến của đ/c Đinh Việt Tiến - Phó Giám đốc:

Thông nhất với ý kiến của đ/c Huỳnh Thanh Bình - Giám đốc Sở. Đồng thời, đ/c cũng nhắc nhở các phòng: đối với những công việc phức tạp, cần nhiều thời gian để xử lý thì Lãnh đạo các phòng cần chủ động báo cáo Ban Giám đốc và xin gia hạn thêm thời gian để xử lý.

2.3 Ý kiến của đ/c Đặng Văn Tấn - Phó Giám đốc:

Thông nhất với ý kiến của đ/c Huỳnh Thanh Bình và đ/c Đinh Việt Tiến.

2.4. Ý kiến của đ/c Lê Văn Thư - Phó Giám đốc:

Thông nhất với ý kiến của đ/c Huỳnh Thanh Bình và đ/c Đinh Việt Tiến.

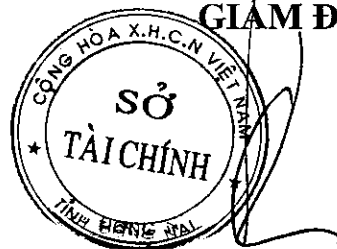
Cuộc họp kết thúc vào lúc 10 giờ cùng ngày và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng thống nhất nội dung.

THƯ KÝ



Mai Trần Cát Tường

**CHỦ TRÌ
GIAM ĐỐC**



Huỳnh Thanh Bình

Số: 289A/QĐ-STC

Đồng Nai, ngày 9 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov
tại Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quyết định số 82/2009/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 368/KH-TTCNTT&TT ngày 8/6/2018 của Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông – Sở Thông tin và truyền thông Đồng Nai về việc triển khai phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov tại Sở Tài chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Tổ quản lý văn bản và hồ sơ công việc eGov tại Sở Tài chính Đồng Nai gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông Nguyễn Lương Hoà – Chánh Văn phòng: Tổ trưởng;
2. Bà Mai Trần Cát Tường – Phó Chánh Văn phòng Sở: Tổ phó;
3. Ông Lê Hữu Ninh – Chuyên viên – Thành viên: phụ trách phần mềm
4. Bà Lê Thị Hạnh – Chuyên viên Văn phòng Sở - thành viên: phụ trách công văn đến;
5. Ông Lê Minh Vũ – Chuyên viên Văn phòng Sở - thành viên: phụ trách công văn đi;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thời gian giữ nhiệm vụ cho đến khi có Quyết định mới thay thế.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Lãnh đạo các phòng, đơn vị liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Van/*

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

Số: 44¹⁶/TB-STC

Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2018

V/v vận hành chính thức phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov.

Kính gửi:

- Các đồng chí trong Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

Căn cứ Kế hoạch số 368/KH-TTCNTT&TT ngày 08/06/2018 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông – Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov tại Sở Tài chính.

Ngày 22/06/2018 Sở Tài chính đã phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông triển khai tập huấn sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc eGov (phần mềm eGov) cho toàn thể cán bộ công chức.

Nhằm chuẩn bị triển khai đưa vào sử dụng phần mềm eGov, Sở Tài chính thông báo kế hoạch vận hành chính thức phần mềm như sau:

TT	Công việc	Thời gian	Đơn vị thực hiện
1	- Cấu hình việc gửi nhận văn bản qua Trục liên thông - Cập nhật danh mục các đơn vị trên Trục liên thông vào phần mềm. - Xóa các dữ liệu hiện có trên phần mềm trong quá trình vận hành thử nghiệm.	Từ ngày 28-29/07/2018	Trung tâm CNTT và Truyền thông
2	Chính thức vận hành phần mềm Egov	Từ ngày 30/07/2018	Sở Tài chính
3	Xử lý các công việc chưa hoàn thành trên phần mềm I-Office	Tháng 8/2018	Sở Tài chính
4	Chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm I-Office sang phần mềm Egov	Tháng 9/2018	Trung tâm CNTT và Truyền thông

Việc vận hành phần mềm QLVB Egov được thực hiện theo quy trình đính kèm. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi quá trình vận hành, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế; định kỳ in báo cáo Ban Giám đốc Sở tình hình xử

lý công việc (trễ hạn, quá hạn). Kết quả xử lý được in từ phần mềm sẽ được dùng làm căn cứ để đánh giá công vụ.

Đề nghị các đồng chí trong Ban Giám đốc Sở, lãnh đạo các phòng, Chi cục Tài chính doanh nghiệp triển khai đến cán bộ công chức thực hiện. Trong quá trình vận hành, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ Văn phòng Sở để được hướng dẫn giải quyết./.

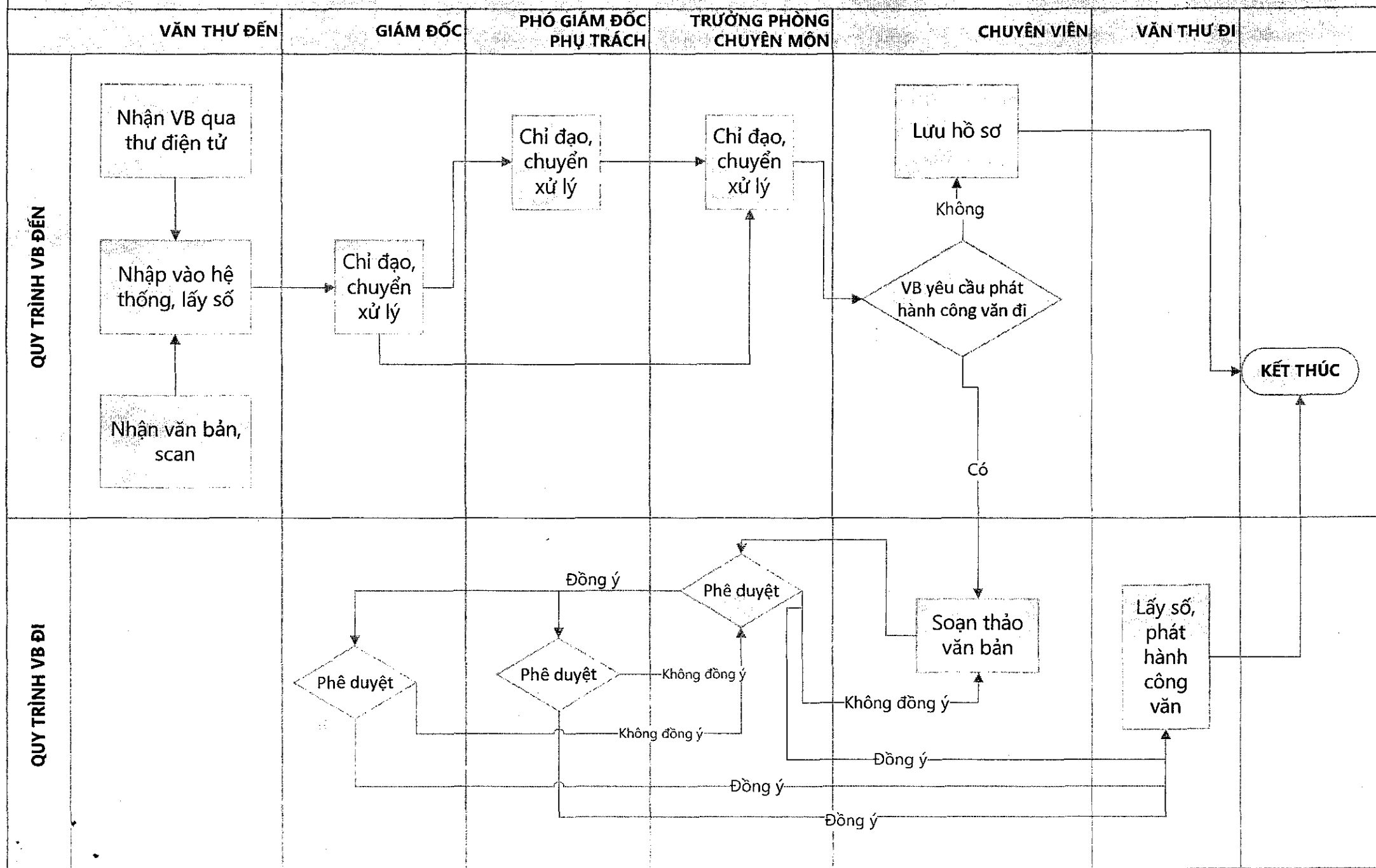
Nơi nhận: Văn

- Như trên;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thanh Bình

QUY TRÌNH XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN - SỞ TÀI CHÍNH



**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 1804 /STC-GCS

V/v gia hạn báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thanh tra tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 116/UBND-CNN ngày 07/3/2018 về việc thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư; Đơn đốc của Thanh tra tỉnh tại Công văn số 299/TT-XLSTT ngày 28/3/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư. Sở Tài chính trình UBND tỉnh như sau:

Hiện nay Sở Tài chính đang thực hiện thuê tư vấn thẩm định giá đất dự án khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo Kết luận thanh tra số 195/KL-TTCTP ngày 02/02/2018 của Thanh tra Chính phủ. Do Công việc cần nhiều thời gian, Sở Tài chính trình UBND tỉnh gia hạn thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày 30/4/2018.

Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, GCS, Phuctd (02b).
- (Số đến: 3330/ĐP-2018)



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 04.04.2018
15:58:11 +07:00

Lê Văn Thư

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: *1982* /STC-GCS

Đồng Nai, ngày *12* tháng 4 năm 2018

V/v thuê tư vấn thẩm định giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án khu dân cư thương mại Phước Tân của Công ty TNHH Cường Hưng.

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 116/UBND-CNN ngày 07/3/2018 về việc thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư; Sở Tài chính trình UBND tỉnh như sau:

Giao Sở Tài chính tổ chức thuê tư vấn thẩm định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất và khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất dự án Khu dân cư thương mại Phước Tân của Công ty TNHH Cường Hưng.

Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận: *✓*

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, GCS, phuctd (2b).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 12.04.2018
10:00:16 +07:00

Lê Văn Thư

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 2157 /STC-GCS

V/v báo cáo thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 116/UBND-CNN ngày 07/3/2018 về việc thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư, Công văn số 3409/UBND-CNN ngày 09/4/2018 về việc nhắc báo cáo thực hiện kết luận thanh tra dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Ngày 12/4/2018 Sở Tài chính đã có Công văn số 1982/STC-GCS trình UBND tỉnh giao cho Sở Tài chính tổ chức thuê tư vấn thẩm định giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án khu dân cư thương mại Phước Tân.

Sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh, Sở Tài chính sẽ tổ chức thuê tư vấn thẩm định giá, thẩm định giá đất trình UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, GCS, Phuctd (02b).
- (Số đến: 2019UB-2018)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 19.04.2018
11:26:17 +07:00

Lê Văn Thư

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 3009 /STC-GCS

Đồng Nai, ngày 29 tháng 5 năm 2018

V/v gia hạn xác định giá tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư.

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4101/UBND-KT ngày 26/4/2018 về việc thuê đơn vị tư vấn xác định giá tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Hiện nay Sở Tài chính đang thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá độc lập để thẩm định lại giá tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự án khu dân cư thương mại dịch vụ Phước Tân do Công ty TNHH Cường Hưng làm chủ đầu tư. Sau khi có kết quả của đơn vị tư vấn Sở Tài chính sẽ mời các Sở, ngành có liên quan, UBND thành phố Biên Hòa họp thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt.

Do công việc cần thời gian để hoàn thành theo trình tự, thủ tục quy định, Sở Tài chính trình UBND tỉnh gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2018.

Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, GCS, Phuctd (02b).
- (Số đến: 2372UB-2018)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 29.05.2018
14:46:20 +07:00

Lê Văn Thư

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2813* /STC-VP

Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2018

V/v báo cáo việc thực hiện chỉ đạo của Chỉ đạo UBND tỉnh tại văn bản số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017.

Kính gửi: Sở Nội vụ

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 4638/UBND-HCC ngày 11/05/2018, Sở Tài chính báo cáo tình hình triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017 như sau:

- Ngày 28/12/2017 Sở có văn bản số 7529/STC-VP gửi báo cáo Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ và Trung tâm hành chính công tỉnh về việc đề nghị hỗ trợ cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên phần mềm một cửa điện tử Egov. Trong đó Sở Tài chính đề nghị cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 04 thủ tục; mức độ 4 đối với 05 thủ tục. Đồng thời Sở Tài chính đã tăng cường công tác tuyên truyền đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hiện có trong quá trình tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Ngày 08/02/2018 Sở Tài chính có văn bản số 770/STC-VP gửi Sở Nội vụ về báo cáo tình hình triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Ngày 06/04/2018 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 541/VP-KSTT về việc rà soát, lập danh mục thủ tục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quyết định số 846/QĐ-TTg. Sở Tài chính đã có báo cáo tại văn bản số 2132/STC-VP ngày 18/04/2018.

Đến nay việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục Sở Tài chính đề nghị vẫn chưa được thực hiện. Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ hỗ trợ Sở Tài chính hoàn thành nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

Trên đây là nội dung báo cáo việc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 13392/UBND-HCC ngày 25/12/2017 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, VP



Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 22.05.2018
10:30:10 +07:00

Huỳnh Thanh Bình

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : *3033* /STC-ĐT
V/v khẩn trương hoàn thành báo cáo phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nhắc lần 2).

Đồng Nai, ngày *30* tháng *5* năm 2018.

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ văn bản số 5168/UBND-ĐT ngày 24/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc khẩn trương hoàn thành báo cáo phê duyệt quyết toán tiểu dự án GPMB các dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nhắc lần 2), sau khi nghiên cứu Sở Tài chính báo cáo như sau:

I. Dự án Cầu Đồng Nai mới và tuyến tránh hai đầu cầu (theo hình thức hợp đồng BOT):

Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Đồng Nai mới và tuyến hai đầu cầu sử dụng nguồn vốn **ngân sách nhà nước** và **nguồn vốn BOT** (do Tổng Cty XD Số 1 - CTCP chuyển kinh phí cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa - nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa để chi trả cho các hộ dân):

- **Đối với phần nguồn vốn ngân sách nhà nước:** Ban Quản lý dự án Biên Hòa đã lập hồ sơ thanh quyết toán và được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 với giá trị là: **69.384.783.000 đồng** (Quyết định photo đính kèm).

- **Đối với phần nguồn vốn BOT:** Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hòa và Tổng Công ty xây dựng số 01 - CTCP chưa gửi hồ sơ quyết toán cho Sở Tài chính để thực hiện thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định (Giá trị chưa quyết toán là **65.595.548.000 đồng**).

II. Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa (theo hình thức hợp đồng BOT):

Đến nay, Tiểu dự án GPMB đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quyết toán **02 đợt** tại các quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 và quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 08/02/2018, với tổng giá trị là **436.135.060.227 đồng** (Quyết định photo đính kèm).

Các phần chi phí đền bù – GPMB còn lại (**khoảng 25,5 tỷ đồng**), Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Trảng Bom và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hòa chưa gửi hồ sơ quyết toán cho Sở Tài chính.

III. Dự án Khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 đoạn Km 0-Km 123+105,17 trên địa bàn 02 tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng (theo hình thức hợp đồng BT):

Dự án đi qua địa bàn 03 huyện: Tân Phú, Định Quán và Thống Nhất được Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện: Tân Phú, Định Quán và Thống Nhất (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh: Tân Phú, Định Quán và Thống Nhất) triển khai thực hiện.

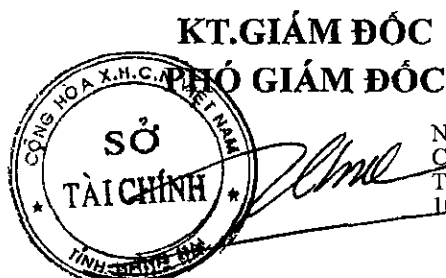
- Tổng số tiền đã thực hiện quyết toán (09 đợt): **108.885.071.825 đồng** (Quyết định photo đính kèm).

- Tổng số tiền chưa quyết toán khoảng **03 tỷ đồng**, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh: Tân Phú, Định Quán đang tiếp tục chi trả cho các hộ dân.

Sở Tài chính kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đơn đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh – chi nhánh các huyện Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán và Tp. Biên Hòa khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan tập hợp hồ sơ chứng từ, lập báo cáo quyết toán (đối với các phần chi phí GPMB còn lại chưa quyết toán) và gửi Sở Tài chính để thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành.

Trên đây là báo cáo của Sở Tài chính về quyết toán tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án BOT, BT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu VT, ĐT.



Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 30.05.2018
10:13:41 +07:00

Đinh Việt Tiến